

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**



---

Hà Nội, tháng 8 năm 2013

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Trương Sơn Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Tuấn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

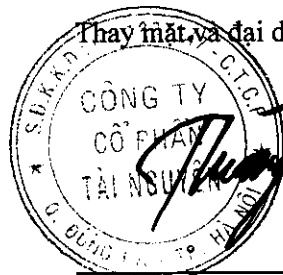
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Tuấn Hoàng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
 Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
 Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3397/2013/BCSX - IFC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013**  
**đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên**

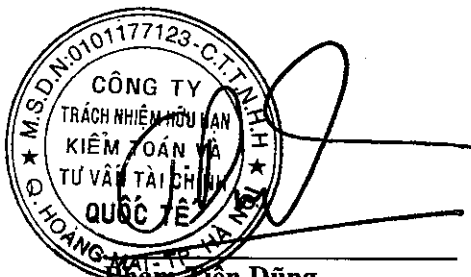
**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên**

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 29 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910- Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Phạm Tiên Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0747-2013-072-1  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1402-2013-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

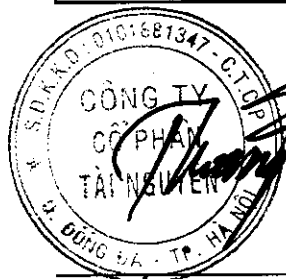
MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.930.450.984</b>	<b>59.277.797.274</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>621.214.652</b>	<b>256.593.065</b>
1. Tiền	111	V.1	621.214.652	256.593.065
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.705.629.696</b>	<b>49.152.770.131</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	39.800.000.000	42.647.140.435
2. Trả trước cho người bán	132		755.000.000	755.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	17.150.629.696	5.750.629.696
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>862.606.636</b>	<b>862.606.636</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	862.606.636	862.606.636
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.741.000.000</b>	<b>9.005.827.442</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	5.827.442
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.741.000.000	9.000.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.154.029.607</b>	<b>94.248.201.878</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>120.703.117</b>	<b>139.845.759</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	6.748.478
- Nguyên giá	222		150.971.386	150.971.386
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.971.386)	(144.222.908)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	12.959.874	25.354.038
- Nguyên giá	228		74.365.000	74.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.405.126)	(49.010.962)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		107.743.243	107.743.243
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>94.025.426.490</b>	<b>94.057.832.119</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	5.980.000.000	34.060.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	47.018.550.000	47.018.550.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	41.280.000.000	13.200.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(253.123.510)	(220.717.881)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.900.000</b>	<b>50.524.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.900.000	50.524.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>156.084.480.591</b>	<b>153.525.999.152</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.621.142.460</b>	<b>49.039.307.637</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.621.142.460</b>	<b>49.039.307.637</b>
2. Phải trả người bán	312	V.11	19.990.569.104	19.975.569.104
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	390.701.680	231.409.655
5. Phải trả người lao động	315		789.987.755	522.159.510
6. Chi phí phải trả	316		17.120.000	17.120.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	28.432.763.921	28.293.049.368
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>106.463.338.131</b>	<b>104.486.691.515</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>106.463.338.131</b>	<b>104.486.691.515</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.298.338.131	17.321.691.515
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>156.084.480.591</b>	<b>153.525.999.152</b>



**Vũ Tuấn Hoàng**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

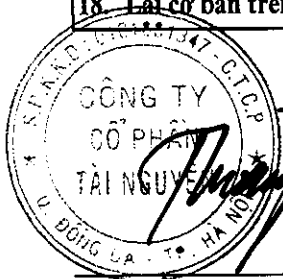
**Bùi Đức Nam**  
Kế toán trưởng

**Bùi Đức Nam**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.982.863.636	32.603.042.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.982.863.636	32.603.042.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.957.006.197	32.366.020.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.857.439	237.021.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.554.346.032	331.757.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	32.405.629	98.887.812
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	98.887.812
8. Chi phí bán hàng	24		-	4.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		459.330.163	1.278.658.387
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.088.467.679	(812.766.900)
12. Chi phí khác	32		-	6.345.825
13. Lợi nhuận khác	40		-	(6.345.825)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.088.467.679	(819.112.725)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	111.821.063	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.976.646.616	(819.112.725)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	233	(96)



Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Bùi Đức Nam  
Kế toán trưởng

Bùi Đức Nam  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	8.950.110.456	32.160.805.098
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.086.832.800)	(27.476.252.776)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-	(369.323.841)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(98.887.812)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(32.173.707)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.987.794.708	4.108.438.301
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(13.070.546.809)	(5.853.187.405)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.219.474.445)</b>	<b>2.439.417.858</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.653.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.584.096.032	331.757.423
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.584.096.032</b>	<b>(2.321.242.577)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(234.826.377)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(234.826.377)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>364.621.587</b>	<b>(116.651.096)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>256.593.065</b>	<b>900.795.450</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>621.214.652</b>	<b>784.144.354</b>



Vũ Tuấn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Bùi Đức Nam  
Kế toán trưởng

Bùi Đức Nam  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007 và các lần sửa đổi. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1cổ phần.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty Cổ phần Tài Nguyên có 01 Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản phẩm bất động sản Tài Nguyên  
Địa chỉ : Số 17, Lô 2A đường Trung Yên 1, phường Yên Hòa,  
quận Cầu Giấy, TP Hà Nội  
Hoạt động chính : Kinh doanh dịch vụ bất động sản  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2013: 5.980.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 92%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 92%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 7 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 16 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; và
- Kinh doanh bất động sản;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)**

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sản giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm  
03

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính là tài sản thực đã đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và/hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là các khoản thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác tại ngày lập Báo cáo tài chính được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tài ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập khi tổ chức kinh tế mà Công ty đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Công ty chỉ trích lập dự phòng khi tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo đó, Báo cáo bộ phận của Công ty được chia làm 2 loại: Báo cáo bộ phận chính yếu và Báo cáo bộ phận thứ yếu. Theo chính sách chung của Công ty, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên các tiêu thức doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản bao gồm 3 lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: hoạt động chủ yếu là bán hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: môi giới dịch vụ bất động sản.
- Lĩnh vực Bất động sản: Kinh doanh bất động sản

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cung được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.2

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	599.539.333	239.535.898
Tiền gửi ngân hàng	21.675.319	17.057.167
<b>Cộng</b>	<b>621.214.652</b>	<b>256.593.065</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Vũ Văn Thảo	27.200.000.000	27.200.000.000
Công ty TNHH Long Phát	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH SX và XD Trường Xuân	-	1.244.210.435
Công ty TNHH XD Việt Đức	-	1.602.930.000
<b>Cộng</b>	<b>39.800.000.000</b>	<b>42.647.140.435</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trần Văn Hân (i)	9.000.000.000	5.500.000.000
Trương Sơn Hiền	248.629.696	248.629.696
Phạm Văn Triệu	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Thị Hồng(ii)	3.900.000.000	-
Hà Huyền Trang (iii)	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.150.629.696</b>	<b>5.750.629.696</b>

(i) Cho ông Trần Văn Hân vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 02/2012/HĐV-TN ngày 02/04/2012 Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 5.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay không xác định, lãi suất 1,75%/tháng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 06/2013/HĐV-TN ngày 01/06/2013 Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất 1,1%/tháng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Cho bà Nguyễn Thị Hồng vay theo hợp đồng số 040/2013/HĐV-TN ngày 04 tháng 04 năm 2013 với số tiền là 3.900.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay là 1,63%/tháng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(iii) Cho bà Hà Huyền Trang vay theo hợp đồng số 041/2013/HĐV-TN ngày 07 tháng 04 năm 2013 với số tiền là 4.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay là 1,64%/tháng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Hàng tồn kho**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	862.606.636	862.606.636
<b>Cộng</b>	<b>862.606.636</b>	<b>862.606.636</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>		
Đình Tiên Nghi	1.641.000.000	-
Nguyễn Gia Khoa	1.100.000.000	5.500.000.000
Nguyễn Bá Huân	-	2.000.000.000
Trương Sơn Hiền	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.741.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	150.971.386	150.971.386
Tại ngày 30/06/2013	150.971.386	150.971.386
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	144.222.908	144.222.908
Khấu hao trong kỳ	6.748.478	6.748.478
Tại ngày 30/06/2013	150.971.386	150.971.386
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2013	6.748.478	6.748.478
Tại ngày 30/06/2013	-	-

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	74.365.000	74.365.000
Tại ngày 30/06/2013	74.365.000	74.365.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	49.010.962	49.010.962
Khấu hao trong kỳ	12.394.164	12.394.164
Tại ngày 30/06/2013	61.405.126	61.405.126
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2013	25.354.038	25.354.038
Tại ngày 30/06/2013	12.959.874	12.959.874

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư tại các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Công ty con	Tại ngày 30/06/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Số lượng (CP)	Giá trị	Số lượng (CP)	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội	-	-	2.808.000	28.080.000.000
Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên (*)	598.000	5.980.000.000	598.000	5.980.000.000
<b>Cộng</b>		<b>5.980.000.000</b>		<b>34.060.000.000</b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài Nguyên số 0103903765 thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ là 6.500.000.000 đồng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, các cổ đông đã góp đủ vốn.

**9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư tại các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Công ty liên kết, liên doanh	Tại ngày 30/06/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	450.000	13.500.000.000	450.000	13.500.000.000
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (**)		25.918.550.000		25.918.550.000
Góp vốn liên doanh vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (***)	760.000	7.600.000.000	760.000	7.600.000.000
<b>Cộng</b>		<b>47.018.550.000</b>		<b>47.018.550.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Tiếp theo)**

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(\*\*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

(\*\*\*) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2011. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 52%. Theo Quyết định số 12/10/QĐ-CPTN ngày 25 tháng 09 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định bán 280.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình cho Công ty TNHH Long Phát. Sau khi chuyển nhượng cổ phần trên Công ty Cổ phần Tài Nguyên chỉ còn giữ 760.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình, chiếm 38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình.

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn vào Công ty CP Xây dựng Tài nguyên Hà Nội (*)	28.080.000.000	-
Góp vốn vào Dự án trạm bơm Đông Mỹ (**)	13.000.000.000	13.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.280.000.000</b>	<b>13.200.000.000</b>

(\*) Trước đây Công ty cổ phần Tài Nguyên nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 92% tại Công ty cổ phần Xây dựng tài nguyên Hà nội. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn pháp định và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 6.000.000.000 đồng và 150.000.000.000 đồng. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội tăng từ 30 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Công ty cổ phần Tài Nguyên nắm giữ 2.808.000 cổ phần tương ứng 18,72% và không còn quyền kiểm soát tại Công ty cổ phần Xây dựng tài nguyên Hà Nội. Vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì khoản đầu tư vào công ty con như trước đây.

(\*\*) Đây là khoản tiền mà Công ty chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân theo Biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 11 năm 2010 giữa Công ty với Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân về việc hai bên cùng nhau hợp tác xin đầu tư Dự án xây dựng Công trình trạm bơm tiêu úng Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Tỷ lệ tham gia của Công ty vào dự án là 12,5%. Công ty nhất trí để Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân đứng ra làm đại diện cho hai bên trực tiếp làm việc với các cơ quan chức năng của Nhà nước, thực hiện các thủ tục xin tham gia đầu tư Dự án nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Phải trả người bán**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Xây Dựng Vận Tải Hợp Tiến Hà Nội	616.000.000	616.000.000
Cty TNHH TM và XD Trung Tín	9.854.674.500	9.854.674.500
Cty TNHH XD và TM Tuyên Hòa	2.200.014.960	2.200.014.960
Cty TNHH một thành viên Nguyễn Tuyên	4.128.467.100	4.128.467.100
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại XNK Sơn Hải	1.478.027.980	1.478.027.980
Công ty TNHH TM và Vận Tải Hải Nam	1.535.944.564	1.535.944.564
Các đối tượng khác	177.440.000	162.440.000
<b>Cộng</b>	<b>19.990.569.104</b>	<b>19.975.569.104</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	221.661.013	168.362.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.993.621	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.047.046	63.047.046
<b>Cộng</b>	<b>390.701.680</b>	<b>231.409.655</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.600.000.000	22.600.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (**)	12.600.000.000	12.600.000.000
- Nhận vốn góp từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC (***)	250.000.000	250.000.000
- Vay Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.105.021.181	5.105.021.181
- Các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	477.742.740	338.028.187
<b>Cộng</b>	<b>28.432.763.921</b>	<b>28.293.049.368</b>

(\*) Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27/11/2009 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn không chịu lãi suất. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân được hưởng quyền nhận chuyển nhượng hai sàn căn hộ chung cư từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41, Công ty Cổ phần Tài Nguyên, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/2009/HĐHTKD ngày 1 tháng 6 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41 và Tổng Công ty Thành An - Bộ Quốc phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

(\*\*) Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT và số 07/2011/HĐVT ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn với lãi suất là 0,6%/năm. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net được quyền mua một khu đất nền với diện tích là 3.000 m<sup>2</sup> đã hoàn thiện hạ tầng và đủ điều kiện được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đầu tư tại Dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội.

(\*\*\*) Đây là khoản vốn góp nhận từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2012/HĐ-HTĐT ngày 09/02/2012 cùng thực hiện dự án Khu nhà ở, khu dân cư, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại huyện Lương Sơn - Tỉnh Hòa Bình và không thành lập pháp nhân mới.

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	85.000.000.000	2.165.000.000	18.851.863.260	106.016.863.260
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	(1.530.171.745)	(1.530.171.745)
Số dư tại ngày 01/01/2013	85.000.000.000	2.165.000.000	17.321.691.515	104.486.691.515
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	1.976.646.616	1.976.646.616
Số dư tại ngày 30/06/2013	<u>85.000.000.000</u>	<u>2.165.000.000</u>	<u>19.298.338.131</u>	<u>106.463.338.131</u>

**b) Cổ phiếu**

	30/06/2013 Cổ phần	01/01/2013 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động - Bộ phận cung cấp dịch vụ, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh Bất động sản. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba phân ngành kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh thương mại - Bán hàng hóa, thành phẩm cấp.  
Bộ phận cung cấp dịch vụ - Cung cấp dịch vụ bất động sản.  
Bộ phận kinh doanh bất động sản - Kinh doanh bất động sản

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán (tại ngày 30/06/2013)**

	<b>Hoạt động bán hàng</b>	<b>Hoạt động cung cấp dịch vụ</b>	<b>Hoạt động KD Bất động sản</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/06/2013</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	-	-	4.466.349.879	4.466.349.879
Tài sản không phân bổ	-	-	-	151.618.130.712
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	4.466.349.879	156.084.480.591
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	19.197.129.104	-	23.393.440.000	42.590.569.104
Nợ phải trả không phân bổ				7.030.573.356
Tổng nợ phải trả hợp nhất	19.197.129.104	-	23.393.440.000	49.621.142.460

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.982.863.636	-	-	6.982.863.636
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>6.982.863.636</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.982.863.636</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	7.416.336.360	-	-	7.416.336.360
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(433.472.724)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(433.472.724)</b>
Chi phí không phân bổ				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(433.472.724)	-	-	(433.472.724)
Doanh thu từ các khoản đầu tư đầu tư	-	-	-	2.554.346.032
Lãi (lỗ) khác				-
Chi phí tài chính				32.405.629
Lợi nhuận trước thuế				2.088.467.679
Chi phí thuế TNDN				111.821.063
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>1.976.646.616</b>

Bảng cân đối kế toán (tại ngày 01/01/2013)

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD Bất động sản	Tổng cộng
	01/01/2013	01/01/2013	01/01/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	2.847.140.435	-	50.525.349.879	53.372.490.314
Tài sản không phân bổ				100.153.508.838
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>2.847.140.435</b>	<b>-</b>	<b>50.525.349.879</b>	<b>153.525.999.152</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	19.197.129.104	-	22.600.000.000	41.797.129.104
Nợ phải trả không phân bổ				7.242.178.533
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>19.197.129.104</b>	<b>-</b>	<b>22.600.000.000</b>	<b>49.039.307.637</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả kinh doanh (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012)**

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng	32.490.542.762	112.500.000	-	32.603.042.762
Tổng Doanh thu	32.490.542.762	112.500.000	-	32.603.042.762
Khấu hao và chi phí phân bổ	33.554.253.334	94.425.939	-	33.648.679.273
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.063.710.572)	18.074.061	-	(1.045.636.511)
Chi phí không phân bổ hoạt động kinh doanh	(1.063.710.572)	18.074.061	-	(1.045.636.511)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	331.757.423
Lãi (lỗ) khác				(6.345.825)
Chi phí tài chính				98.887.812
Lợi nhuận trước thuế				(819.112.725)
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận trong kỳ				<b>(819.112.725)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.982.863.636	32.490.542.762
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	112.500.000
<b>Cộng</b>	<b>6.982.863.636</b>	<b>32.603.042.762</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa bán ra	6.957.006.197	32.276.020.886
Giá vốn dịch vụ	-	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.957.006.197</b>	<b>32.366.020.886</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	913.162.604	331.757.423
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.641.183.428	
<b>Cộng</b>	<b>2.554.346.032</b>	<b>331.757.423</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	98.887.812
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	32.405.629	-
<b>Cộng</b>	<b>32.405.629</b>	<b>98.887.812</b>

**5. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.088.467.679	(819.112.725)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.641.183.428)	-
Trừ: thu nhập không chịu thuế	1.641.183.428	-
+ Cổ tức được nhận	1.641.183.428	-
Thu nhập chịu thuế	447.284.251	-
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>111.821.063</b>	<b>-</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.976.646.616	(819.112.725)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu năm	8.500.000	8.500.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối năm	8.500.000	8.500.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	8.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>233</b>	<b>(96)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.957.006.197	32.276.020.886
Chi phí nhân công	267.828.245	657.233.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.142.642	172.191.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.687.887	373.923.447
Chi phí bằng tiền khác	97.671.845	169.309.613
<b>Cộng</b>	<b>7.416.336.816</b>	<b>33.648.679.273</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu"

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	621.214.652	256.593.065
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.950.629.696	48.397.770.131
Đầu tư dài hạn	41.280.000.000	13.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>98.851.844.348</b>	<b>61.854.363.196</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	48.423.333.025	48.268.618.472
Chi phí phải trả	17.120.000	17.120.000
<b>Cộng</b>	<b>48.440.453.025</b>	<b>48.285.738.472</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	48.423.333.025	-	48.423.333.025
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
<b>Cộng</b>	<b>48.440.453.025</b>	<b>-</b>	<b>48.440.453.025</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	48.268.618.472	-	48.268.618.472
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
<b>Cộng</b>	<b>48.285.738.472</b>	<b>-</b>	<b>48.285.738.472</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	621.214.652	-	621.214.652
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.950.629.696	-	56.950.629.696
Đầu tư dài hạn	-	41.280.000.000	41.280.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.571.844.348</b>	<b>41.280.000.000</b>	<b>98.851.844.348</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.593.065	-	256.593.065
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.397.770.131	-	48.397.770.131
Đầu tư dài hạn	-	13.200.000.000	13.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.654.363.196</b>	<b>13.200.000.000</b>	<b>61.854.363.196</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	(28.080.000.000)	2.203.000.000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội	(28.080.000.000)	2.203.000.000
Góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	-	450.000.000
- Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	-	450.000.000

*Số dư với các bên có liên quan:*

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu khác	248.629.696	248.629.696
Ông Trương Sơn Hiền	248.629.696	248.629.696
Các khoản tạm ứng	1.100.000.000	9.000.000.000
Ông Trương Sơn Hiền	-	1.500.000.000
Ông Nguyễn Bá Huấn	-	2.000.000.000
Ông Nguyễn Gia Khoa	1.100.000.000	5.500.000.000
Các khoản đi vay	5.105.021.181	5.105.021.181
Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.105.021.181	5.105.021.181

*Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ hoạt động như sau như sau:*

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Giám đốc, HĐQT	204.000.000	202.000.000

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

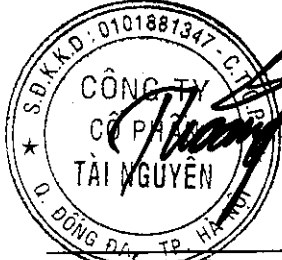
**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét.



**Vũ Tuấn Hoàng**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

**Bùi Đức Nam**  
Kế toán trưởng

**Bùi Đức Nam**  
Người lập

